TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 114 /2022/DS-PT
Ngày 14/ 6/2022
V/v: tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình
Các Thẩm phán: - Ông Đặng Văn Lộc
-Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27/4, ngày 08/6 và ngày 14/6/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183 /2021/TLPT- DS, ngày 31 tháng 12 năm 2021, về *" tranh chấp thừa kế tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 102/2021/DS-ST, ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40 /2022/QĐ – PT, ngày 16 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn:

1.1. Bà Lư Thị Kim N, sinh năm 1961. Địa chỉ: đường Trần P, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

1.2. Bà Lư Thị Kim C, sinh năm 1964. Địa chỉ: đường Trần P, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

1.3. Bà Lư Thị Thu V, sinh năm 1965.Địa chỉ: đường Trần P, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

1.4. Bà Lư Bích T, sinh năm 1969. Địa chỉ: đường Trần P, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn là bà Đặng Thị Bạch L, sinh năm 1960. Địa chỉ: Phạm Thái B, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 07/12/2021. (có mặt)

2.Bị đơn: ông Lư Công D, sinh năm 1973. Địa chỉ: đường Trần P, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là anh Huỳnh Duy K, sinh năm 1992.Địa chỉ: ấp Bình T B, xã Hòa T, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/02/2022). (có mặt)

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lư Văn M, sinh năm 1954. Địa chỉ: đường Trần P, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

3.2. Bà Lư Bích L, sinh năm 1970. Địa chỉ: đường Trần P, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông M và bà L là bà Đặng Thị Bạch L, sinh năm 1960. Địa chỉ Phạm Thái B, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/12/2021). (có mặt)

3.3. Ông Lư Ngọc T, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp Long P, xã Long M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3.4. Ông Lư Văn H, sinh năm 1942. Địa chỉ: đường Trần P, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin vắng mặt)

Người kháng cáo : các nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều kháng cáo.

Kháng nghị : Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/4/2020 của các nguyên đơn Lư Thị Kim N, Lư Thị Kim C, Lư Thị Thu V, Lư Bích T và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn bà Đặng Thị Bạch L trình bày:

Cụ Lư Xuân B và cụ Lê Thị S có tổng cộng 11 người con, trong đó 08 người còn sống gồm: Lư Văn M, Lư Thị Kim N, Lư Thị Kim C, Lư Thị Thu V, Lư Bích Th, Lư Ngọc T, Lư Bích L, Lư Công D và 03 người đã chết không có vợ con gồm: Lư Văn M, Lư Chung Hùng Q và Lư Văn Đ.

Cụ B và cụ S tạo lập được khối tài sản gồm: thửa đất số 78 (thửa cũ 303), diện tích 106,6m^2; thửa 79 (thửa cũ 524), diện tích 70,5m^2; thửa 90 (thửa cũ 523), diện tích 365,3m^2 và căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất tọa lạc tại Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, cùng tờ bản đồ số 17 (tờ bản đồ cũ 12) và các thửa đất 623 (thửa cũ 715), diện tích 1.318,5m^2; thửa 647 (thửa cũ 732), diện tích 1.993,1m^2; thửa 670 (thửa cũ 740 + 4157), diện tích 3.182m^2, cùng tờ bản đồ số 5 (tờ bản đồ cũ 3), tọa lạc tại ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và thửa đất 231, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.650m^2, tọa lạc tại ấp Phú T, xã Phú T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Nguồn gốc các thửa đất này đều do cụ B và cụ S tạo lập trước năm 1975. Ngày 22/5/1976 cụ B chết không để lại di chúc.

Sau khi cụ B chết, khoảng năm 1986 cụ S đưa 03 thửa đất ruộng 715, 732 và 740 vào tập đoàn sản xuất. Sau khi rã tập đoàn cụ S xin lại 03 thửa đất này để sử dụng và được chính quyền địa phương chấp nhận. Cụ S là người kê khai, đăng ký đứng tên quyền sử dụng cả 03 thửa đất nêu trên, đến năm 2014 đo đạc lại đất theo dự án Vlap, cụ S kê khai đăng ký quyền sử dụng đất với hình thức hộ gia đình và được Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Lê Thị S. Đến ngày 01/01/2019 cụ S chết có để lại di chúc.

Quá trình chung sống với cụ S, các nguyên đơn không nghe cụ S nói gì về việc lập di chúc. Tuy nhiên, di chúc này cụ S đã định đoạt cả phần di sản thừa kế của cụ B là không hợp lý. Do đó, bà L đại diện cho các nguyên đơn yêu cầu Tòa án hủy tờ Di chúc ngày 25/12/2012 của cụ S và chia thừa kế di sản của cụ B và cụ S theo quy định của pháp luật, các nguyên đơn mỗi người được hưởng 1/8 di sản của hai cụ sau khi trừ đi thửa đất 231, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.650m^2, tọa lạc tại ấp Phú T, xã Phú T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do không yêu cầu Tòa án giải quyết và trừ ra căn nhà thờ cúng ông bà nằm trên thửa 90, tờ bản đồ số 17 do ông D quản lý, sử dụng, căn nhà này phải do các đồng thừa kế đứng tên sở hữu. Đồng ý cho ông Lư Văn H được tiếp tục sinh sống trên thửa 78 đến hết đời ông H.

Tại Biên bản hòa giải ngày 02/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lư Công D và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ông D thống nhất lời trình bày của các nguyên đơn về hàng thừa kế thứ nhất của cụ B và cụ S. Về di sản thừa kế: 03 thửa đất 78, 79 và 90 (thửa cũ 303,524,523), tờ bản đồ 17, tọa lạc tại phường B, thành phố Vĩnh Long có nguồn gốc do cụ S mua lại của ông Nguyễn Hữu D ngày 21/6/1978, mua sau khi cụ B chết nên đây là tài sản riêng của cụ S. Đối với 03 thửa đất 623, 670 và 647, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long là tài sản do cụ S và cụ B nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn N và Nguyễn Văn K trước năm 1975, nhưng sau khi cụ B chết vào năm 1982 cụ S đã đưa 03 thửa đất này vào tập đoàn sản xuất. Đến năm 1988 rã tập đoàn, cụ S xin lại đất và được nhà nước giao lại toàn bộ 03 thửa đất này cho cụ S sử dụng và cụ S kê khai đăng ký quyền sử dụng đất cho nên đây là tài sản riêng của cụ S.

Năm 1976 cụ B chết không để lại di chúc, sau khi cụ B chết, cụ S kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Lê Thị S gồm 06 thửa đất: thửa số 78, 79, 90, 623, 647 và 670, ngoài ra trên thửa 90 còn có căn nhà cấp 4 ông đang ở để thờ cúng cha mẹ, ông bà. Ngày 25/12/2012, cụ S đã lập di chúc phân chia toàn bộ các thửa đất nêu trên cho các con và cháu. Bị đơn khẳng định cụ S lập di chúc trong trạng thái tinh thần minh mẫn, tự nguyện, có công chứng của Phòng Công chứng số 1 tỉnh Vĩnh Long, nên di chúc hợp pháp. Do đó bị đơn không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật mà yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của cụ S. Bị đơn cũng đồng ý cho ông H được tiếp tục sinh sống trên thửa 78 đến hết đời ông H.

Đối với thửa đất 231, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.650m2, tọa lạc tại ấp Phú T, xã Phú T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn yêu cầu độc lập cùng ngày 21/7/2020 và đơn yêu cầu độc lập sửa đổi, bổ sung cùng ngày 30/7/2020 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lư Văn M, bà Lư Bích L cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đặng Thị Bạch L là người đại diện trình bày:

Ông M và bà L thống nhất lời trình bày của các nguyên đơn về hàng thừa kế thứ nhất của cụ B và cụ S, cũng như di sản thừa kế của hai cụ để lại. Ông M, bà L thống nhất ý kiến của các nguyên đơn và yêu cầu Tòa án hủy di chúc của cụ S lập ngày 25/12/2012, đồng thời yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ B, cụ S theo quy định của pháp luật, mỗi người được hưởng 1/8 trên 06 quyền sử dụng đất thuộc các thửa 78, 79, 90, tờ bản đồ số 17 và căn nhà cấp 4, tọa lạc tại khóm S, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long và các thửa 623, 647 và 670, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tương đương 934,85m^2 và yêu cầu nhận bằng hiện vật. Đối với quyền sử dụng đất thửa 231, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.650m2, tọa lạc tại ấp Phú T, xã Phú T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng ý cho ông Lư Văn H được tiếp tục sinh sống trên thửa 78 đến hết đời ông H.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 25/8/2020 và đơn sửa đổi, bổ sung ngày 01/10/2020 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lư Ngọc T cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông T trình bày:

Ông T thống nhất lời trình bày và ý kiến của ông D (bị đơn) và khẳng định di chúc của cụ S lập ngày 25/12/2012 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Vĩnh Long hợp pháp, trong đó cụ S đã chia cho ông diện tích 500m^2 đất ruộng chiết từ thửa 715, 732, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và thửa 303 (thửa mới 78), tờ bản đồ số 12, diện tích 60,9m^2, tọa lạc tại khóm B, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, ông yêu cầu Tòa án chia thừa kế cho ông theo di chúc của cụ S và yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Ông cũng đồng ý cho ông H được tiếp tục sinh sống trên thửa 78 đến hết đời ông H.

Đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.650m2, tọa lạc tại ấp Phú T, xã Phú T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 02/7/2020, ông Lư Văn H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Hiện nay ông đang quản lý, sử dụng nhà và đất tại thửa 78 (cũ 303), tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, do cụ S cho ở nhờ từ trước đến nay. Trong vụ án này ông không có yêu cầu độc lập, trường hợp các đồng thừa kế cho ở thì ông tiếp tục ở, còn nếu không cho ở thì ông di dời tài sản đi nơi khác, không yêu cầu bồi thường.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2021/DS-ST ngày 23/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 623, 624, 643, 649, 651, 659, 660, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 15, 16, 29 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về nội dung:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Lư Thị Kim N, Lư Thị Kim C, Lư Thị Thu V, Lư Bích T và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lư Văn M, Lư Bích L, về việc vô hiệu một phần Di chúc ngày 25/12/2012 của cụ Lê Thị S đối với phần di sản của cụ Lư Xuân B trong quyền sử dụng đất thửa 78, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khóm S, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long và các thửa 623, 670 và 647, cùng tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ B.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lư Ngọc T về việc công nhận hợp pháp một phần di chúc ngày 25/12/2012 của cụ Lê Thị S đối với di sản của cụ Sáu trong các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 78, 79, 90, cùng tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khóm S, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long và các thửa 623, 670 và 647, cùng tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và chia thừa kế theo di chúc của cụ S.

Chia di sản thừa kế của cụ Lư Xuân B và cụ Lê Thị S như sau:

Chia quyền sử dụng đất cho ông Lư Ngọc T thuộc chiết thửa 78-1, tờ bản đồ số 17, diện tích 93,8m^2, loại đất ở đô thị 60,9m^2, đất trồng cây lâu năm 32,9m^2, tọa lạc tại khóm S, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. (Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 19/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lư Ngọc T về việc cho ông Lư Văn H được ở trên thửa đất 78-1, tờ bản đồ số 17, diện tích 93,8m^2, tọa lạc khóm S, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đến khi ông H chết. Trên đất có căn nhà chính khung bê tông cốt thép, mái tol có trần, vách tường độc lập, nền gạch tàu, diện tích 56,61m^2 và căn nhà phụ khung cột gỗ, mái tol không trần, nền gạch tàu, không vách, diện tích 11,28m^{2}thuộc quyền sở hữu của ông Lư Văn H.

Chia quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất (gồm nhà chính khung cột gỗ, mái tol không trần, vách ván, nền gạch tàu, diện tích 62,2m^2 và nhà phụ khung cột gỗ, mái tol không trần, không vách, nền gạch tàu, diện tích 13,6m^2) cho bà Lư Thị Thu V thuộc chiết thửa 79, diện tích 69m^2 và 3,4m^2 thuộc chiết thửa 78-2, cùng tờ bản đồ số 17, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm S, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. (Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất

ngày 19/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long). Bà V không được chuyển nhượng, cầm cố, tặng cho người khác dưới bất cứ hình thức nào, trừ trường hợp có sự thỏa thuận khác.

Chia quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất (gồm căn nhà Trần P, khóm S, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long và cây ăn trái như mít, xoài, mận, đu đủ, chuối và bưởi) cho ông Lư Công D thuộc chiết thửa 90-1, 90-2, 90-3 và 90-4, tờ bản đồ số 17, tổng diện tích 365,1m^2, loại đất ở đô thị 180m^2 và 185,1m^2 đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm S, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. (Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 19/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long).

Chia quyền sử dụng đất cho ông Lư Văn M và bà Lư Bích L thuộc thửa 623 (gồm 623-1,623-2, 623-3, 623-4, 623-5, 623-6, 623-7, 623-8), tờ bản đồ số 5, diện tích 1.318,5m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp Long T, xã Long Ph, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. (Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17/02/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Long Hồ).

Chia quyền sử dụng đất cho các bà Lư Bích T, Lư Thị Kim N, Lư Thị Thu V và Lư Thị Kim C thuộc thửa 670, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.182m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. (Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17/02/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Long Hồ).

Chia quyền sử dụng đất cho ông Lư Công D thuộc chiết thửa 647-2, 647- 3, 647-4, 647-5, 647-6, 647-7 và 647-8, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.126,3m^2, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. (Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17/02/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Long Hồ).

Chia quyền sử dụng đất cho ông Lư Ngọc T thuộc chiết thửa 647-1, tờ bản đồ số 5, diện tích 866,8m^2, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. (Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17/02/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Long Hồ).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

Buộc các bà Lư Bích T, Lư Thị Kim N và Lư Thị Kim C mỗi người có nghĩa vụ thòi lại cho ông Lư Công D 6.994.000đ (Sáu triệu chín trăm chín mươi bốn ngàn đồng).

Buộc ông Lư Ngọc T có nghĩa vụ thòi lại cho ông Lư Công D 16.596.000đ (Mười sáu triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

Buộc bà Lư Thị Thu V có nghĩa vụ thòi lại cho bà Lư Bích L và ông Lư Văn M mỗi người 1.181.000đ (Một triệu một trăm tám mươi mốt ngàn đồng) và ông Lư Công D 3.470.000đ (Ba triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn, về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa 79 và 90, cùng tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khóm S, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lư Ngọc T về việc công nhận toàn bộ di chúc của cụ Lê Thị S là hợp pháp và chia thừa kế theo di chúc đối với các thửa 78, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khóm S, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; thửa 623, 670 và 647, cùng tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/12/2021 các nguyên đơn kháng cáo: yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, tuyên di chúc không hợp pháp và chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ Lư Xuân B và Lê Thị S mỗi người nhận 1/8 di sản, sau khi trừ ra căn nhà thờ tách thửa 90-4 diện tích 240,5m^2,tọa lạc tại phường 4 các thừa kế đồng sở hữu.

Ngày 03/12/2021 bị đơn Lư Công D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lư Ngọc T kháng cáo yêu cầu công nhận di chúc ngày 25/12/2012 do cụ S lập tại phòng công chứng số 1 tỉnh Vĩnh Long hợp pháp, yêu cầu chia thừa kế theo di chúc.

Ngày 06/12/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lư Bích L và ông Lư Văn M kháng cáo yêu cầu: chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuyên di chúc không hợp pháp và chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ Lư Xuân B và Lê Thị S mỗi người nhận 1/8 di sản, sau khi trừ ra căn nhà thờ tách thửa 90-4 diện tích 240,5m^2,tọa lạc tại phường 4 đồng sở hữu.

Ngày 08/12/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long kháng nghị theo hướng sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2021/DS-ST ngày 23/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lư Công D nộp 01 bản chính giấy nhượng đất giữa ông Nguyễn Hữu D và cụ Lê Thị S lập ngày 21/6/1978.

Bà Đặng Thị Bạch L đại diện cho các nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lư Văn M, bà Lư Bích L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà L trình bày nếu chia thừa kế theo di chúc các nguyên đơn đồng ý nhận sử dụng chung và cùng đứng tên một thửa đất để thuận tiện trong việc canh tác đất lúa. Về đường cấp thoát nước, các thửa đất đều giáp kinh công cộng lấy nước trực tiếp vào sản xuất, không yêu cầu phải mở lối cấp thoát nước. Về đường đi theo tập quán địa phương là đi trên bờ mẫu của hai thửa giáp nhau, vì vậy không yêu cầu mở lối đi trên đất ruộng.

Ông Huỳnh Duy K đại diện cho bị đơn Lư Công D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không yêu cầu mở lối cấp thoát nước, không yêu cầu mở lối đi trên đất ruộng.

Ông Lư Công D có mặt tại phiên tòa trình bày: ông không yêu cầu giải quyết công sức gìn giữ và quản lý di sản. Các thửa đất 78,79,90 tọa lạc tại phường B, thành phố Vĩnh Long cấp cho hộ Lê Thị S trong hộ có ông, nhưng đây là tài sản riêng của cụ S nên ông không có yêu cầu chia tài sản chung của hộ.

Bị đơn ông Lư Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không yêu cầu mở lối cấp thoát nước và không mở lối đi trên đất ruộng.

Đại diện viện kiểm sát rút một phần quyết định kháng nghị đối với nội dung " Xác định tính hợp pháp của di chúc là cần tuyên vô hiệu một phần di chúc do cụ S lập ngày 25/12/2012 đối với phần di sản của cụ B quyền sử dụng đất thửa 78".

Hội đồng định giá cấp sơ thẩm đã định giá giá trị của các thửa 78,79 và 90 trong đó đất ở đô thị đơn giá 1.800.000đ/m^2, đất trồng cây lâu năm 270.000đ/m^2. Các thửa 670, 647 và 623 đơn giá 60.000đ/m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất trích đo bản đồ địa chính khu đất tại cấp sơ thẩm. Không yêu cầu khảo sát, đo đạc, định giá lại.

-Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đối với nội dung "Xác định tính hợp pháp của di chúc là cần tuyên vô hiệu một phần di chúc do cụ S lập ngày 25/12/2012 đối với phần di sản của cụ B quyền sử dụng đất thửa 78" do rút yêu cầu.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các nguyên đơn Lư Thị Kim N, Lư Thị Kim C, Lư Thị Thu V, Lư Bích T.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lư Công D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lư Ngọc T.

Chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Sửa bản án sơ thẩm số 102/2021/DSST ngày 23/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 157 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 630, 643, 646, 651, 659 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 2 Luật đất đai 1993 và khoản 2 Điều 10 Luật đất đai 2003; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn N, C, V, T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L, ông M.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người liên quan ông Lư Ngọc T. Chia cho ông Lư Ngọc T được nhận hiện vật phần đất thửa 78.

Chia thửa 79 (thửa cũ 524) diện tích 70,5m^2 (diện tích đo đạc thực tế 69m^2), loại đất trồng cây lâu năm, trên đất có căn nhà cấp 4 của bà V chia cho bà Lư Thị Thu V nhận bằng hiện vật.

Chia thửa 90 (thửa cũ 523) diện tích 365,3m^2, loại đất ở đô thị có diện tích 180m^2, đất trồng cây lâu năm diện tích 185,3m^2 và căn nhà cấp 4 hiện do ông D quản lý sử dụng chia cho ông Lư Công D.

Chia thửa 670 (thửa cũ 740+ 4175), tờ bản đồ số 5, diện tích 3.182m^2, loại đất lúa, tọa lạc tại xã Long Pc, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long chia cho ông Lư Công D.

Chia bà Lư Thị Kim N, Lư Thị Kim C, Lư Thị Thu V, Lư Bích T mỗi người 300m^2 thửa 623, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.318,5m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Diện tích chênh lệch vượt kỷ phần thừa kế các đồng nguyên đơn hoàn trả giá trị bằng tiền cho ông D với giá định giá 60.000đồng/m^2.

Chia cho ông Lư Văn M, Lư B Liên mỗi người 300m^2 và ông Lư Ngọc T được chia 500m^2, chia cho ông Lư Công D diện tích 893,1m^2. Ông M, bà L, ông T, ông D nhận chung hiện vật thửa 647 (thửa cũ 732), tờ bản đồ số 5, diện tích 1.993,1m^2, loại đất lúa, tọa lạc tại xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Diện tích chênh lệch vượt kỷ phần thừa kế các đồng thừa kế hoàn trả giá trị bằng tiền cho nhau với giá định giá 60.000 đồng/m^2.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về chi phí tố tụng: các thừa kế nhận di sản thì có nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng tương ứng với phần tài sản được nhận.

Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do sửa án nên sửa án phí sơ thẩm các thừa kế nhận di sản thì có nghĩa vụ chịu án phí tương ứng với phần tài sản được nhận. Do sửa án các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ngày 23/11/2021 Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long tuyên án sơ thẩm, đến ngày 03/12/2021 bị đơn Lư Công D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lư Ngọc T kháng cáo. Ngày 06/12/2021 các nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lư Văn M và Lư Bích L kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Ngày 08/12/2021Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long kháng nghị là còn trong thời hạn kháng nghị theo quy định tại Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị đối với nội dung " Xác định tính hợp pháp của di chúc là cần tuyên vô hiệu một phần di chúc do cụ S lập ngày 25/12/2012 đối với phần di sản của cụ B quyền sử dụng đất thửa 78". Xét thấy việc rút một phần kháng nghị của đại diệnViện kiểm sát phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 289, Điều 295 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận rút một phần kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng nghị của Viện kiểm sát đối với nội dung trên.

[2]Về nội dung:

2.1Về hàng thừa kế: tất cả các đương sự đều trình bày cụ Lư Xuân B (chết năm 1976) và cụ Lê Thị S (chết 2019) có tất cả 11 người con, trong đó 08 người còn sống gồm: Lư Văn Mh, Lư Thị Kim N, Lư Thị Kim C, Lư Thị Thu V, Lư Bích T, Lư Ngọc T, Lư Bích L, Lư Công D và 03 người đã chết không có vợ con gồm: Lư Văn M, Lư Chung Hùng Q và Lư Văn Đ. Cụ B và cụ S không có con riêng, không có con nuôi. Các đương sự đều thừa nhận nên đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 bộ luật tố tụng dân sự.

2.2.Về di sản thừa kế: gồm có 06 thửa đất và tài sản gắn liền với đất như sau:

-Thửa 78 (thửa cũ 303), diện tích đo đạc thực tế 97,2m^2, (trong đó có 3,4m^2 các đương sự thống nhất do bà V quản lý, sử dụng), như vậy thửa 78 có diện tích 93,8m^2 (đất ở tại đô thị 60,9m^2, đất trồng cây lâu năm 32,9m^2) , tờ bản đồ số 17. Trên đất có nhà chính khung bê tông cốt thép, mái tol có trần, vách tường độc lập, nền gạch tàu diện tích 56,61m^2 và căn nhà phụ khung cột gỗ, mái tol không trần, nền gạch tàu không vách, diện tích 11,28m^2 thuộc quyền sở hữu của ông Lư Văn H.

-Thửa 79 (thửa cũ 524), diện tích đo đạc thực tế 69m^2 và có 3,4m^2 thuộc chiết thửa 78-2, tờ bản đồ số 2, đất trồng cây lâu năm và căn nhà gắn liền trên đất gồm nhà chính khung cột gỗ, vách ván, nền gạch tàu, mái tol không trần diện tích 62,2m^2 và nhà phụ khung cột gỗ, mái tol không trần, không vách, nền gạch tàu, diện tích 13,6m^2 bà V đang quản lý sử dụng.

- Thửa 90 (thửa cũ 523), diện tích đo đạc thực tế 365,1m^2(đất ở đô thị 180m^2 và 185,1m^2 đất trồng cây lâu năm), tờ bản đồ số 17 và căn nhà gắn liền trên đất do ông D quản lý, sử dụng và các cây trồng trên đất.

Cả 03 thửa đất nêu trên tọa lạc tại khóm 6, phường 4, thành phố Vĩnh Long và đều do cụ Lê Thị S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

-Thửa 623 (thửa cũ 715), diện tích đo đạc thực tế là 1.318,5m^2, đất lúa

-Thửa 647 (thửa cũ 732), diện tích đo đạc thực tế 1.993,1m^2, đất lúa

-Thửa 670 (thửa cũ 740 + 4157), diện tích đo đạc thực tế 3.182m^2, đất lúa

Cả 03 thửa đất nêu trên cùng tờ bản đồ số 5 (tờ bản đồ cũ 3), tọa lạc tại ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, do cụ Lê Thị S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

-Thửa 231, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.650m^2, tọa lạc tại ấp Phú T, xã Phú T,huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ông D đã được cấp quyền sử dụng, các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về nguồn gốc đất:

-Thửa đất số 78 (thửa cũ 303), diện tích thực đo 97,2m^2 (trong đó có 3,4m^2 các đương sự thống nhất do bà V quản lý, sử dụng), như vậy thửa 78 có diện tích 93,8m^2 (đất ở tại đô thị 60,9m^2, đất trồng cây lâu năm 32,9m^2), tọa lạc tại khóm 6, phường 4, thành phố Vĩnh Long. Căn cứ vào công văn số 2056/UBND-NC ngày 17/6/2021 của UBND thành phố Vĩnh Long trả lời: nguồn gốc thửa 78 là do ông Nguyễn Hữu D cho cụ Sáu trước năm 1975. Đến ngày 26/11/1999 cụ Sáu kê khai đăng ký với hình thức hộ gia đình, trong hộ có cụ S và con là Lư Công D. Ngày 05/4/2001 hộ cụ S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ S cho ông Lư Văn H là em cụ B ở trên đất cho đến nay. Theo đơn đăng ký ngày 26/11/1999 nguồn gốc là do ông Nguyễn Hữu D cho cụ S sử dụng trước năm 1975, Đến ngày 21/6/1978 ông D làm giấy bán lại cho cụ S, nhưng không ghi là bán mà ghi là nhượng lại cho cụ S. Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đều thừa nhận thửa 78 mua cùng lúc với thửa 79 và 90 và nữa công đất theo tờ giấy viết tay lập ngày 21/6/1978 giữa ông D và cụ S hiện nay thuộc 03 thửa 78, 79 và 90. Đồng thời hồ sơ kê khai đất thửa 79 và 90 cụ S kê khai mua của ông D năm 1978 thể hiện rõ thửa 79 và 90 là tài sản riêng của cụ S. Vì vậy thửa đất 78 là tài sản riêng của cụ S. Các nguyên đơn cho rằng do cụ B và cụ S mua trước năm 1975 và làm giấy năm 1978, nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh mua trước năm 1975.Vì vậy cấp sơ thẩm xác định thửa 78 là tài sản chung của cụ B và cụ S là chưa đủ căn cứ.

-Thửa số 79 (thửa cũ 524), diện tích đo đạc thực tế 69m^2 và 3,4m^2 thuộc chiết thửa 78-2 (có căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất) và thửa số 90 (thửa cũ 523), diện tích 365,3m^2, cùng tờ bản đồ số 17 (tờ bản đồ cũ 12), cây trồng và căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất, tọa lạc tại phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Theo công văn số 2056/UBND-NC, ngày 17/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long trả lời: nguồn gốc thửa 79 và 90 là của ông Nguyễn Hữu D cho cụ S vào năm 1978 (cụ B đã chết) cho nên xác định là tài sản riêng của cụ S. Đến

ngày 17/6/2000 cụ S kê khai đăng ký với hình thức hộ, trong hộ có cụ S và con là Lư Công D. Ngày 31/12/2001 hộ cụ S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa 79 và 90 là tài sản riêng của cụ S là có căn cứ.

-Thửa số 623 (thửa cũ 715), diện tích 1.318,5m^2; đất lúa

-Thửa số 647 (thửa cũ 732), diện tích 1.993,1m^2; đất lúa

-Thửa số 670 (thửa cũ 740 + 4157), diện tích 3.182m^2, đất lúa

Cùng tờ bản đồ số 5 (tờ bản đồ cũ 3), tọa lạc tại ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Nguồn gốc các thửa đất nêu trên do cụ B và cụ S mua của ông Đặng Văn N 5.500m^2 và ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H 2.000m^2 trước năm 1975 là tài sản chung của cụ B và cụ S. Năm 1976 cụ B chết, đến năm 1986 cụ S đưa các thửa đất này vào tập đoàn sản xuất, lúc này đất thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước thống nhất quản lý và định đoạt. Sau khi rã tập đoàn cụ S xin lại đất và được nhà nước cấp lại cho cụ S canh tác nên là tài sản riêng của cụ S, không còn là tài sản chung của cụ B và cụ S theo quy định của pháp luật đất đai. Các hàng thừa kế không có quyền đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 2 luật đất đai năm 1993 và khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003. Quá trình cụ Sáu kê khai, đăng ký đến khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các đồng thừa kế của cụ B không tranh chấp với cụ S. Theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc Hội ban hành Nghị quyết về nhà đất do nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991 quy định:" *nhà nước không xem xét lại chủ trương, chính sách và việc thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất đã ban hành trước ngày 01/7/1991".* Vì vậy cấp sơ thẩm xác định các thửa đất 670, 647 và 623, tọa lạc ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ là tài sản chung của cụ B và cụ S là chưa đủ căn cứ.

[4]Xét tính hợp pháp của di chúc do cụ Lê Thị S lập ngày 25/12/2012:

Di chúc có công chứng, cụ S lập di chúc trong trạng thái tinh thần minh mẫn, sáng suốt và hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc được thể hiện trong khi lập di chúc có giấy chứng nhận sức khỏe của Trung tâm giám định y khoa xác nhận cụ S có đủ sức khỏe lập di chúc. Nội dung di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức của di chúc không trái quy định của pháp luật. Nội dung di chúc rõ ràng như ngày tháng năm lập di chúc, họ tên và nơi cư trú của người lập di chúc, họ tên người được hưởng di sản, di sản để lại và nơi có di sản phù hợp theo quy định tại các Điều 646,647, 648, 649, 652 và 653 Bộ luật dân sự 2005. Trong quá trình giải quyết vụ án và Tại phiên tòa các đương sự cũng không có tranh chấp về năng lực hành vi lập di chúc của cụ S. Do đó công nhận di chúc ngày 25/12/2012 của cụ S hợp pháp toàn bộ. Các thửa đất 78, 79, 90 tọa lạc

tại phường 4 thành phố Vĩnh Long và các thửa 623, 647 và 670 tọa lạc ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ là tài sản riêng của cụ S được chia thừa kế theo di chúc.

Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của các nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lư Văn M, bà Lư Bích L.

Chấp nhận yêu cầu của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lư Ngọc T, chia thừa kế theo di chúc.

Công nhận sự tự nguyện của ông D không yêu cầu công sức quản lý, gìn giữ di sản.

Các thửa đất 78,79, 90, tọa lạc tại phường B, thành phố Vĩnh Long cấp cho hộ Lê Thị S, thành viên trong hộ có ông Lư Công D, nhưng ông D trình bày toàn bộ di sản thừa kế là tài sản riêng của cụ S, ông D không yêu cầu chia tài sản chung của hộ nên công nhận sự tự nguyện của ông D.

Đối với thửa 670, 647 và 623 cấp cho hộ Lê Thị S, nhưng không xác định được thành viên trong hộ. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự cũng không yêu cầu chia tài sản của hộ nên không đặt ra giải quyết.

Đối với người đang canh tác trên các thửa đất lúa 670, 647 và 623, tọa lạc tại ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ: Tại biên bản xác minh ngày 17/5/2022 của Tòa án ông Nguyễn Hữu V trình bày: ông D cho ông mượn đất trồng lúa được một tháng nay, không có làm hợp đồng, sau này Tòa án chia thừa kế cho ai thì ông đồng ý trả đất cho người đó, ông không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Xét thấy giữa ông D và ông V không có hợp đồng thuê đất, ông V đồng ý trả đất và không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Vì vậy không cần thiết phải đưa ông V vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đối với thửa đất 231, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.650m^2, tọa lạc tại ấp Phú T, xã Phú T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ông D đã được cấp quyền sử dụng, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên nên có căn cứ chấp nhận;

[6] Từ những nhận định trên: Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lư Văn M, bà Lư Bích L; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lư Ngọc T; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 102/2021/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

[7] Công nhận di chúc do cụ Lê Thị S lập ngày 25/12/2012 hợp pháp đối với các thửa đất số 78, 79, 90 (thửa cũ 303, 524, 523), các thửa 623, 647, 670 (thửa cũ 715, 723, 740 và 4157). Chia thừa kế theo di chúc của cụ Lê Thị S cho các đương sự gồm: Lư Thị Kim N, Lư Thị Kim C, Lư Thị Thu V, Lư Bích T, Lư Văn M, Lư

Bích L, Lư Ngọc T và Lư Công D. Đồng thừa kế nào nhận phần di sản nhiều hơn sẽ hoàn giá trị chênh lệch cho các thừa kế nhận di sản ít hơn. Cụ thể chia như sau:

Chia cho ông Lư Ngọc T thửa đất số 78 (thửa cũ 303), tờ bản đồ số 17, diện tích 93.8m^2, (trong đó đất ở tại đô thị 60,9m^2, đất trồng cây lâu năm 32,9m^2), tọa lạc khóm S, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, gồm các mốc: 1,2,11,12,1.

Trên đất có căn nhà chính khung bê tông cốt thép, mái tol có trần, vách tường độc lập, nền gạch tàu diện tích 56,61m^2 và căn nhà phụ khung cột gỗ, mái tol không trần, nền gạch tàu không vách, diện tích 11,28m^2 thuộc quyền sở hữu của ông Lư Văn H. Công nhận sự tự nguyện của ông Lư Ngọc T về việc cho ông Lư Văn H được ở trên thửa đất 78 đến hết đời ông H.

Chia cho bà Lư Thị Thu V thửa đất số 79 (thửa cũ 524), diện tích 69m^2 và 3,4m^2 thuộc chiết thửa 78-2, tờ bản đồ số 17, đất trồng cây lâu năm và sở hữu căn nhà chính, nhà phụ gắn liền trên đất, tọa lạc khóm S, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, gồm các mốc: 2,3,10,11,2. Bà V không được chuyển nhượng, cầm cố tặng cho người khác dưới bất cứ hình thức nào, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Chia cho ông Lư Công D thửa 90 (thửa cũ 523) diện tích 365,3m^2 (đất ở đô thị 180m^2, đất trồng cây lâu năm 185,3m^2), tờ bản đồ số 17 và sở hữu căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất và toàn bộ tài sản trên đất, tọa lạc khóm S, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, gồm các mốc giới: 5,6, 7, 8, 13,9,4,14,5.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 19/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long).

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Chia cho ông Lư Công D thửa 670 (thửa cũ 740+ 4175), tờ bản đồ số 5, diện tích 3.182m^2, đất lúa, tọa lạc tại ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, gồm các mốc: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1.

Chia cho bà Lư Thị Kim N, Lư Thị Kim C, Lư Thị Thu V, Lư Bích T mỗi người được hưởng 300m^2 đất, thuộc thửa 623, đất lúa. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự Lư Thị Kim N, Lư Thị Kim C, Lư Thị Thu V, Lư Bích T (có bà Đặng Thị Bạch L làm đại diện) đồng đứng tên sử dụng chung thửa đất 623, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.318,5m^2, đất lúa, tọa lạc ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, gồm các mốc: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,1.

Buộc bà Lư Thị Kim N, bà Lư Thị Kim C, bà Lư Thị Thu V, bà Lư Bích T hoàn giá trị chênh lệch cho ông Lư Văn M, bà Lư Bích L, ông Lư Ngọc T và Lư Công D mỗi người 888.750đ (trong đó bà N giao cho ông M 888.750đ, bà C giao cho bà L 888.750đ, bà V giao cho ông T 888.750đ, bà T giao cho ông D 888.750đ).

Chia cho ông Lư Công D phần đất 866,8m^2 thuộc tách thửa 647-1, tờ bản đồ số 5, đất lúa, tọa lạc ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, gồm các mốc 9,10,11,12,9.

Chia cho ông Lư Ngọc T phần đất 443,5m^2, thuộc tách thửa 647-2, 647-3, 647-4, đất lúa, tọa lạc ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, gồm các mốc 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 6.

Chia cho ông Lư Văn M và bà Lư Bích L mỗi người 300m^2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự Lư Văn M và Lư Bích L (có bà Đặng Thị Bạch L làm đại diện) đồng đứng tên sử dụng chung thuộc các tách thửa 647-5, 647-6,647-7,647-8, diện tích 682,8m^2, đất lúa, gồm các mốc 1,2,3,4,5,6,15,16,17,18,1.

Buộc ông M và bà L phải hoàn giá trị chênh lệch lại cho ông T 3.390.000đ, cho ông D 1.578.000đ (trong đó ông M giao ông T 1.695.000đ và giao ông D 789.000đ; bà L giao ông T 1.695.000đ và giao ông D 789.000đ).

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 18/02/2021 của phòng tài nguyên và môi trường huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long).

Buộc ông Lư Công D có nghĩa vụ giao các phần đất lúa Tòa án đã chia nêu trên cho các đồng thừa kế.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Công nhận sự tự nguyện của ông Lư Công D không yêu cầu giải quyết công sức quản lý, gìn giữ di sản và không yêu cầu chia tài sản cấp cho hộ Lê Thị S.

[8] Về chi phí tố tụng: do sửa án sơ thẩm nên sửa lại chi phí tố tụng.Tổng chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tại cấp sơ thẩm là 17.729.000đ (bà Lư Thị Thu V nộp 16.190.000đ, ông T nộp 1.539.000đ). Buộc các đương sự phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với tỷ lệ giá trị mà họ được hưởng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: do sửa án nên sửa lại án phí sơ thẩm, các đương sự phải chịu án phí trên tổng giá trị tài sản được hưởng. Cụ thể như sau:

-Ông Lư Văn M và bà Lư Thị Kim N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do người cao tuổi.

-Ông Lư Công D được hưởng tổng giá trị tài sản là 873.813.644đ (36tr + 2.214.409đ) = 38.214.409đ (làm tròn 38.214.000đ).

-Ông Lư Ngọc T được hưởng tổng giá trị tài sản là 148.503.000đ x 5% = 7.425.150đ (làm tròn 7.425.000đ).

-Bà Lư Thị Kim C, bà Lư Bích L và bà Lư Bích T được hưởng giá trị là 18.000.000đ x 5% = 900.000đ.

-Bà Lư Thị Thu V phải chịu án phí trên tổng giá trị tài sản được hưởng 54.327.228đ x 5% = 2.716.361đ (làm tròn 2.716.000đ).

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

[11] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn Lư Thị Kim N, Lư Thị Kim C, Lư Thị Thu V, Lư Bích T và yêu cầu độc lập của ông Lư Văn M, bà Lư Bích L;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lư Công D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lư Ngọc T;

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 102/2021/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long;

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 157, Điều 165 và Điều 289, 293, 295 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 Luật đất đai 1993; Điều 10 Luật đất đai 2003; các Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; các Điều 623, 624, 630, 631, 635, 643, 649, 651 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 12, 26, 27 và Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đối với nội dung "Xác định tính hợp pháp của di chúc là cần tuyên vô hiệu một phần di chúc do cụ S lập ngày 25/12/2012 đối với phần di sản của cụ B quyền sử dụng đất thửa 78" do rút yêu cầu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Lư Thị Kim N, Lư Thị Kim C, Lư Thị Thu V, Lư Bích T và một phần yêu cầu độc lập của ông Lư Văn M và bà Lư Bích L.

3. Công nhận di chúc do cụ Lê Thị S lập ngày 25/12/2012 hợp pháp đối với các thửa đất số 78, 79, 90 (thửa cũ 303, 524, 523), tọa lạc tại phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long và các thửa 623, 647, 670 (thửa cũ 715, 723, 740 và 4157), tọa lạc tại ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chia thừa kế theo di chúc của cụ Lê Thị S cho các đương sự gồm: Lư Thị Kim N, Lư Thị Kim C, Lư Thị Thu V, Lư Bích T, Lư Văn M, Lư Bích L, Lư Ngọc T và Lư Công D, cụ thể như sau:

3.1. Chia cho ông Lư Ngọc T thửa đất số 78 (thửa cũ 303), tờ bản đồ số 17, diện tích 93.8m^2, (trong đó đất ở tại đô thị 60,9m^2, đất trồng cây lâu năm 32,9m^2), tọa lạc khóm S, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, gồm các mốc: 1,2,11,12,1.

Trên đất có căn nhà chính khung bê tông cốt thép, mái tol có trần, vách tường độc lập, nền gạch tàu diện tích 56,61m^2 và căn nhà phụ khung cột gỗ, mái tol không trần, nền gạch tàu không vách, diện tích 11,28m^2 thuộc quyền sở hữu của ông Lư Văn H. Công nhận sự tự nguyện của ông Lư Ngọc T về việc cho ông Lư Văn H được ở trên thửa đất 78 đến hết đời ông H.

3.2. Chia cho bà Lư Thị Thu V thửa đất số 79 (thửa cũ 524), diện tích 69m^2 và 3,4m^2 thuộc chiết thửa 78-2, tờ bản đồ số 17, đất trồng cây lâu năm và sở hữu căn

nhà chính, nhà phụ gắn liền trên đất, tọa lạc khóm S, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, gồm các mốc: 2,3,10,11,2. Bà V không được chuyển nhượng, cầm cố tặng cho người khác dưới bất cứ hình thức nào, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

3.3. Chia cho ông Lư Công D thửa 90 (thửa cũ 523) diện tích 365,3m^2 (đất ở đô thị 180m^2, đất trồng cây lâu năm 185,3m^2), tờ bản đồ số 17 và sở hữu căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất và toàn bộ tài sản trên đất, tọa lạc khóm S, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, gồm các mốc giới: 5,6, 7, 8, 13,9,4,14,5.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 19/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long).

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3.4. Chia cho ông Lư Công D thửa 670 (thửa cũ 740+ 4175), tờ bản đồ số 5, diện tích 3.182m^2, đất lúa, tọa lạc tại ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, gồm các mốc: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1.

3.5. Chia cho bà Lư Thị Kim N, Lư Thị Kim C, Lư Thị Thu V, Lư Bích T mỗi người được hưởng 300m^2 đất, thuộc thửa 623, đất lúa. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự Lư Thị Kim N, Lư Thị Kim C, Lư Thị Thu V, Lư Bích T (có bà Đặng Thị Bạch L làm đại diện) đồng đứng tên sử dụng chung thửa đất 623, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.318,5m^2, đất lúa, tọa lạc ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, gồm các mốc: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,1.

Buộc bà Lư Thị Kim N, bà Lư Thị Kim C, bà Lư Thị Thu V, bà Lư Bích T hoàn giá trị chênh lệch cho ông Lư Văn M, bà Lư Bích L, ông Lư Ngọc T và Lư Công D mỗi người 888.750đ (trong đó bà N giao cho ông M 888.750đ, bà C giao cho bà L 888.750đ, bà V giao cho ông T 888.750đ, bà T giao cho ông D 888.750đ).

3.6. Chia cho ông Lư Công D phần đất 866,8m^2 thuộc tách thửa 647-1, tờ bản đồ số 5, đất lúa, tọa lạc ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, gồm các mốc 9,10,11,12,9.

3.7. Chia cho ông Lư Ngọc T phần đất 443,5m^2, thuộc tách thửa 647-2, 647-3, 647-4, đất lúa, tọa lạc ấp Long T, xã Long P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, gồm các mốc 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 6.

3.8. Chia cho ông Lư Văn M và bà Lư Bích L mỗi người 300m^2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự Lư Văn M và Lư Bích L (có bà Đặng Thị Bạch L làm đại diện) đồng đứng tên sử dụng chung thuộc các tách thửa 647-5, 647-6,647-7,647-8, diện tích 682,8m^2, đất lúa, gồm các mốc 1,2,3,4,5,6,15,16,17,18,1.

Buộc ông M và bà L phải hoàn giá trị chênh lệch lại cho ông T 3.390.000đ, cho ông D 1.578.000đ (trong đó ông M giao ông T 1.695.000đ và giao ông D 789.000đ; bà L giao ông T 1.695.000đ và giao ông D 789.000đ).

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 18/02/2021 của phòng tài nguyên và môi trường huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long).

Buộc ông Lư Công D có nghĩa vụ giao các phần đất lúa đã được chia nêu trên cho các đồng thừa kế.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Công nhận sự tự nguyện của ông Lư Công D không yêu cầu giải quyết công sức quản lý, gìn giữ di sản và không yêu cầu chia tài sản cấp cho hộ Lê Thị S.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4.Về chi phí tố tụng:

Buộc bà Lư Thị Thu V nộp 1.283.000đ, bà Vân đã nộp xong

Buộc các đương sự sau đây nộp để trả lại cho bà Lư Thị Thu V:

Buộc Ông Lư Ngọc T phải nộp 1.887.000đ, ông T đã nộp 1.539.000đ, buộc ông T phải nộp thêm 348.000đ (ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Buộc ông Lư Công D phải nộp 11.290.770đ (mười một triệu hai trăm chín mươi nghìn bảy trăm bảy mươi đồng).

Buộc ông Lư Văn M, bà Lư Bích T, bà Lư Bích L, bà Lư Thị Kim N, bà Lư Thị Kim C mỗi người phải nộp 653.646đ (Sáu trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng).

5.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí cho ông Lư Văn M và bà Lư Thị Kim N (người cao tuổi)

Buộc ông Lư Công D phải chịu 38.214.000đ (ba mươi tám triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng).

Buộc ông Lư Ngọc T phải chịu 7.425.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.491.000đ theo biên lai số 0005658 ngày 03/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Ông T còn phải nộp 3.934.000đ (ba triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Buộc bà Lư Thị Kim C phải chịu 900.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.045.000đ theo biên lai số 0005436 ngày 05/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Hoàn trả cho bà C 2.145.000đ (hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Buộc bà Lư Bích T phải chịu 900.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.045.000đ theo biên lai số 0005437 ngày 05/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Hoàn trả cho bà T 2.145.000đ (hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Buộc bà Lư Thị Thu V phải chịu 2.716.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.045.000đ theo biên lai số 0005439 ngày 05/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Hoàn trả cho bà V 329.000đ (ba trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Buộc bà Lư Bích L phải chịu 900.000, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.129.000đ theo biên lai số 0005583 ngày 30/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Hoàn trả cho bà L 2.229.000đ (hai triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Lư Thị Kim N tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.045.000đ (ba triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005438 ngày 05/6/2020 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

6.Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long cho các đương sự có tên sau:

Bà Lư Bích L 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000876 ngày 09/12/2021

Bà Lư Thị Thu V 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000874 ngày 09/12/2021

Bà Lư Bích T 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000875 ngày 09/12/2021

Bà Lư Thị Kim C 300.000đ(ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000873 ngày 09/12/2021

Ông Lư Công D 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000862 07/12/2021

Ông Lư Ngọc T 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000861 07/12/2021

7.Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
-TAND TP Vĩnh Long;
-CC THADS TP Vĩnh Long;
-Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Ánh Bình